

Số: 40/KL-TTTP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 9 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (năm 2023-2025) và công tác quản lý đầu tư xây dựng các dự án, công trình (đã nghiệm thu, quyết toán đến 31/12/2025) tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-TTTP ngày 18/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng về thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (năm 2023-2025) và công tác quản lý đầu tư xây dựng các dự án công trình (đã nghiệm thu, quyết toán đến 31/12/2025) tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương; Kế hoạch tiến hành thanh tra số 01/KH-ĐTT ngày 19/6/2026 của Đoàn Thanh tra đã được Chánh Thanh tra phê duyệt.

Xét Báo cáo số 44/BC-ĐTT ngày 24/8/2026 của Trưởng đoàn thanh tra báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (năm 2023-2025) và công tác quản lý đầu tư xây dựng các dự án công trình (đã nghiệm thu, quyết toán đến 31/12/2025) tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương; Báo cáo số 01/BC-TTĐ ngày 14/9/2026 của Tổ thẩm định theo Quyết định số 651/QĐ-TTTP ngày 08/9/2026 của Chánh Thanh tra thành phố.

Chánh Thanh tra thành phố Hải Phòng kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Khái quát chung về Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1540/2003/QĐ-UBND ngày 26/05/2003 của UBND tỉnh Hải Dương (nay là UBND thành phố Hải Phòng); Trụ sở làm việc tại Km số 4, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0800281127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05/3/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 16/9/2025; Vốn điều lệ 2.491.205.000.000 đồng; Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện pháp luật của Công ty: Chủ tịch Công ty; Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ tưới tiêu nước, cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác; Hình thức hạch toán: Nhật ký chung; Năm tài chính áp dụng từ 01/01 đến 31/12; Mã số thuế: 0800281127; Nơi đăng ký kê khai nộp thuế: Thuế thành phố Hải Phòng.

Công ty có trụ sở chính là Văn phòng Công ty và 13 đơn vị chi nhánh, gồm: 11 Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực công ích, hạch toán phụ thuộc (Thanh Miện, Kim Thành, Chí Linh, Gia Lộc, Kinh Môn, Nam Sách, Thanh Hà, Ninh Giang, Bình Giang, Tứ Kỳ, Cẩm Giàng); 02 đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài công ích, hạch toán độc lập là: Ban Quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng và Xí nghiệp Khảo sát thiết kế & Xây dựng công trình.

2. Giới hạn kiểm tra, xác minh

- Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu, sổ kế toán, chứng từ kế toán do đơn vị cung cấp về các nội dung:

Việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước: Mở sổ kế toán, lập chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, xác định kết quả hoạt động kinh doanh; đăng ký, kê khai, quyết toán và nộp các loại thuế, lệ phí (Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài); tuyển dụng, đào tạo, tập huấn và quản lý lao động; thực hiện hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; tiền lương và trả công lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và chế độ nghỉ phép năm; đăng ký, quản lý, triển khai, áp dụng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Việc thực hiện pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng các dự án công trình (đã nghiệm thu, quyết toán đến 31/12/2025): Kiểm tra hồ sơ pháp lý của các dự án, công trình; khối lượng, đơn giá các hạng mục công việc xây dựng trên hồ sơ thiết kế, dự toán, quyết toán các gói thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị; kiểm tra, đối chiếu xác suất thực tế hiện trường đối với một số hạng mục công việc xây dựng.

- Do giới hạn về thời gian thanh tra, điều kiện phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh tra, Đoàn thanh tra không kiểm tra, xác minh việc kiểm kê tiền mặt, tài sản, vật tư, hàng tồn kho; không đối chiếu, xác minh hợp đồng, việc chi trả, hóa đơn của đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ, Công ty tự chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ tài liệu có liên quan đến những nội dung này. Đối với công tác quản lý đầu tư xây dựng: Đoàn thanh tra không kiểm tra, xác minh các nội dung về: Hồ sơ năng lực, hồ sơ dự thầu của các đơn vị tham gia thực hiện đầu tư dự án, công trình; hiện trường phần khuất, phần chìm; vị trí, cự ly đồ đất, đá; nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, giá vật tư, thiết bị đưa vào thi công xây dựng công trình; không xác minh, đối chiếu hóa đơn với bên thứ ba, không kiểm tra đối chiếu tại đơn vị thi công. Chủ đầu tư và đơn vị liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung báo cáo và các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho Đoàn thanh tra.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

1. Việc mở sổ kế toán, lập chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, xác định kết quả hoạt động kinh doanh toàn Công ty¹

¹ Bao gồm: Văn phòng Công ty, 11 Xí nghiệp KTCTTL hạch toán phụ thuộc và 02 đơn vị hạch toán độc lập là Ban QLDA Công trình thủy lợi nội đồng và Xí nghiệp Khảo sát thiết kế & Xây dựng công trình

1.1. Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc đã mở đầy đủ các loại sổ kế toán (Sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, sổ chi tiết các tài khoản; các sổ chi tiết công nợ theo đối tượng, chi tiết công nợ theo công trình...; lập, lưu trữ chứng từ kế toán đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm như: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, chứng từ nghiệp vụ mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và chứng từ nghiệp vụ khác; việc hạch toán kế toán toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đầy đủ, kịp thời và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán. Chứng từ và sổ kế toán cơ bản được quản lý, lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.2. Theo số liệu báo cáo, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất toàn Công ty trong 03 năm (2023-2025) như sau:

- Tổng doanh thu: 965.820.407.150 đồng (gồm: năm 2023: 317.231.086.788 đồng, năm 2024: 286.061.685.021 đồng, năm 2025: 362.527.635.341 đồng).

- Các khoản giảm trừ doanh thu: 595.256.173 đồng (gồm: năm 2023: 89.251.459 đồng, năm 2024: 292.627.130 đồng, năm 2025: 213.377.584 đồng)

- Doanh thu thuần: 965.225.150.977 đồng (gồm: năm 2023: 317.141.835.329 đồng, năm 2024: 285.769.057.891 đồng, năm 2025: 362.314.257.757 đồng);

- Tổng chi phí: 941.287.263.420 đồng (gồm: năm 2023: 310.921.591.780 đồng, năm 2024: 277.704.535.012 đồng, năm 2025: 352.661.136.628 đồng);

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 23.937.887.557 đồng (gồm: năm 2023: 6.220.243.549 đồng, năm 2024: 8.064.522.879 đồng, năm 2025: 9.653.121.129 đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

1.3. Nhận xét, đánh giá

Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc đã cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh: mở sổ kế toán, lập chứng từ kế toán; hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh cơ bản đảm bảo theo quy định tại Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

* Hạn chế, thiếu sót

Việc hạch toán giá vốn hàng bán, thu nhập khác, lợi nhuận kế toán trước thuế của Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và xây dựng công trình còn hạn chế, thiếu sót:

- Năm 2024: Qua kiểm tra, giá vốn hàng bán giảm, lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với số đơn vị báo cáo 63.000.000 đồng, do loại trừ chi phí mua cát đen theo hóa đơn số 00000038 ngày 14/12/2024 của Công ty TNHH Thương mại vận tải Hùng Vương PT (do Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và xây dựng công trình tự rà soát xác định chi phí không hợp lệ đề nghị Đoàn thanh tra loại trừ chi phí, tránh rủi ro trong xác định nghĩa vụ thuế tại Công văn số 32/CV-XN ngày 10/6/2026).

- Năm 2025: Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với số đơn vị báo cáo, số tiền: 285.297.821 đồng, do:

+ Giá vốn hàng bán giảm so với số đơn vị báo cáo 170.159.457 đồng do loại trừ chi phí nhân công thuê ngoài (ông Bùi Văn Mẫn, Căn cước công dân số 015181005298) và ông Nguyễn Công Đoàn, Căn cước công dân số 015087006834)

chứng từ trả tiền lương không có chữ ký người nhận và 02 nhân công đã kê khai phát sinh thu nhập tại đơn vị khác cùng thời gian xí nghiệp quyết toán.

+ Thu nhập khác tăng so với số báo cáo của đơn vị 115.138.364 đồng do loại trừ khoản nợ phải trả Công ty TNHH Thương mại Phú Hà (không có biên bản đối chiếu công nợ, qua thanh tra làm việc Xí nghiệp đã rà soát và xác định không còn khoản nợ này).

2. Việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Công ty đăng ký kê khai nộp thuế của Văn phòng và 11 Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực công ích, hạch toán phụ thuộc; 02 đơn vị đăng ký kê khai nộp thuế độc lập là: Xí nghiệp Khảo sát thiết kế & Xây dựng công trình và Ban Quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương (cũ) nay là Thuế thành phố Hải Phòng. Hình thức kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra các sắc thuế, lệ phí đơn vị đã thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước gồm: Thuế Giá trị gia tăng (GTGT), Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN); Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN); Lệ phí Môn bài.

2.1. Số liệu báo cáo về thuế, lệ phí 3 năm (2023 – 2025) toàn công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Sắc thuế	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Thuế GTGT	Số phải nộp năm trước chuyển sang	34.310.143	111.132.598	67.519.374
		Số phát sinh phải nộp trong năm	521.266.574	1.771.980.821	8.894.265.876
		Số đã nộp trong năm	444.444.119	1.815.594.045	8.529.549.033
		Số còn phải nộp chuyển sang năm sau	111.132.598	67.519.374	432.236.217
2	Thuế TNDN	Số phải nộp năm trước chuyển sang	-1.016.803.732	-1.087.178.409	-498.755.007
		Số phát sinh phải nộp trong năm	120.046.610	1.189.493.501	470.150.731
		Số đã nộp trong năm	190.421.287	601.070.099	0
		Số còn phải nộp chuyển sang năm sau	-1.087.178.409	-498.755.007	-28.604.276
3	Thuế TNCN	Số phải nộp năm trước chuyển sang	-3.530.436	-18.018.221	-7.198.521
		Số phát sinh phải nộp trong năm	174.553.225	201.473.353	279.557.572
		Số đã nộp trong năm	189.041.010	190.653.653	271.270.962
		Số còn phải nộp chuyển sang năm sau	-18.018.221	-7.198.521	1.088.089
4	Lệ phí môn bài	Số phải nộp năm trước chuyển sang	0	0	0
		Số phát sinh phải nộp trong năm	16.000.000	16.000.000	16.000.000
		Số đã nộp trong năm	16.000.000	16.000.000	16.000.000
		Số còn phải nộp chuyển sang năm sau	0	0	0

2.2. Nhận xét, đánh giá

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương đã thực hiện việc đăng ký, kê khai và thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (Thuế GTGT; Thuế TNDN; Thuế TNCN; Lệ phí Môn bài) cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

* Hạn chế, thiếu sót

Qua kiểm tra, việc kê khai thuế TNDN, thuế GTGT của Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và xây dựng công trình còn hạn chế, thiếu sót:

- Năm 2024: Thuế TNDN phải nộp tăng so với số đơn vị báo cáo 12.600.000 đồng: Do tăng lợi nhuận kế toán trước thuế 63.000.000 đồng (đã nêu tại mục I, 1.3), thuế TNDN phải nộp tăng: 63.000.000 đồng x 20% = 12.600.000 đồng;

Thuế GTGT phải nộp tăng so với số đơn vị báo cáo 6.300.000 đồng do giảm 10% thuế GTGT đầu vào của chi phí đã kê khai quý 4 năm 2024 (đã nêu ở mục I, 1.3), việc giảm thuế GTGT được khấu trừ qua kiểm tra làm phát sinh tăng (dương) số thuế GTGT lũy kế phải nộp quý II năm 2025.

- Năm 2025: Thuế TNDN phải nộp tăng so với số đơn vị báo cáo số tiền 57.059.564 đồng do lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 285.297.821 đồng (đã nêu tại mục I, 1.3), thuế TNDN phải nộp tăng: $285.297.821 \text{ đồng} \times 20\% = 57.059.564 \text{ đồng}$.

Việc khai sai căn cứ tính thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp nêu trên của Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và xây dựng công trình là hành vi vi phạm hành chính về thuế quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

3. Việc thực hiện quy định của pháp luật về lao động

3.1. Tuyển dụng, đào tạo và quản lý lao động

3.1.1. Tình hình thực hiện

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng lao động làm căn cứ tuyển dụng, bố trí và sử dụng lao động. Khi phát sinh nhu cầu tuyển dụng, đơn vị/chi nhánh lập tờ trình và đề xuất nhân sự, gửi Phòng Tổ chức - Hành chính thẩm định, báo cáo Tổng Giám đốc; việc tuyển dụng được Chủ tịch Công ty chấp thuận chủ trương trước khi thực hiện các thủ tục tiếp nhận, ký hợp đồng lao động. Sau tuyển dụng, đơn vị có nhu cầu chịu trách nhiệm tiếp nhận và bố trí công việc cho người lao động. Công ty thực hiện quản lý lao động bằng sổ quản lý lao động bản giấy; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng và xét nâng bậc thợ công nhân năm 2023.

3.1.2. Nhận xét, đánh giá

Công ty thực hiện tuyển dụng lao động theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Lao động năm 2019. Sử dụng lao động đảm bảo theo kế hoạch đã được phê duyệt; Kế hoạch sử dụng lao động hàng năm được xây dựng phù hợp theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 2651/VBHN-BLĐTBXH), Điều 5 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước. Công tác báo cáo định kỳ thực hiện đầy đủ, đúng mẫu theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng và xét nâng bậc thợ công nhân năm 2023 đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ Luật lao động năm 2019. Việc lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 12 Bộ Luật lao động năm 2019.

*** Hạn chế, thiếu sót**

- Công ty chưa xây dựng kế hoạch và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động năm 2024, 2025 là chưa đảm bảo quy định tại Điều 60 Bộ Luật lao động năm 2019.

- Sổ quản lý lao động thiết lập thiếu các mục thông tin về người lao động: số giờ làm thêm; học nghề, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề; kỹ

luật lao động, trách nhiệm vật chất; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

3.2. Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động

3.2.1. Tình hình thực hiện

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động đầy đủ đối với 100% người lao động thuộc diện phải ký hợp đồng, tính đến ngày 31/12/2025 gồm có 1.415 hợp đồng không xác định thời hạn, 04 hợp đồng có thời hạn từ 12 đến 36 tháng và 02 hợp đồng có thời hạn dưới 12 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, Công ty và người lao động thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung đã thỏa thuận. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2025, có 34 trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân của người lao động.

3.2.2. Nhận xét, đánh giá

Về cơ bản, Công ty tuân thủ quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2019 về các hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động. Nội dung hợp đồng ký kết với người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con. Việc thay đổi nội dung hợp đồng lao động được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 33 Bộ luật Lao động năm 2019.

3.3. Thỏa ước lao động tập thể

3.3.1. Tình hình thực hiện

Công ty đã thực hiện ký thỏa ước lao động tập thể, nội dung thỏa ước được hình thành trên cơ sở kết quả thương lượng tập thể giữa người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động. Dự thảo thỏa ước được lấy ý kiến của toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp với kết quả 100% người lao động của doanh nghiệp biểu quyết tán thành. Thỏa ước lao động tập thể được đại diện hợp pháp của các bên ký kết, niêm yết tại trụ sở Công ty và các đơn vị, chi nhánh trực thuộc. Công ty đã thực hiện gửi thỏa ước lao động tập thể đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc UBND thành phố Hải Phòng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký kết.

3.3.2. Nhận xét, đánh giá

Việc thương lượng, lấy ý kiến, ký kết, công bố và gửi thỏa ước lao động tập thể của Công ty được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 4 và khoản 6 Điều 76 và Điều 77 Bộ luật Lao động năm 2019; nội dung thỏa ước không trái quy định của pháp luật. Quá trình tổ chức thực hiện thỏa ước lao động tập thể cơ bản bảo đảm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên theo nội dung đã thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 79 Bộ luật Lao động năm 2019.

3.4. Tiền lương và trả công lao động.

3.4.1. Tình hình thực hiện

Công ty đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động, thỏa thuận mức lương theo công việc hoặc chức danh ghi trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động tại Quyết định số 1463/QĐ-Cty ngày 27/12/2022 về việc ban hành bảng lương năm 2023 của Công ty; Quyết định số 918/QĐ-Cty ngày 12/7/2024 về việc ban hành bảng lương thực hiện từ ngày 01/7/2024; Quyết định số 548/QĐ-Cty ngày 19/6/2025 về việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch, bảng lương năm 2025. Công ty tiến hành tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động khi xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động và công bố công khai tại nơi làm việc trước khi thực hiện. Mức lương tối thiểu Công ty áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định; các khoản tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, thưởng, trợ cấp và các khoản thanh toán khác cho người lao động được thực hiện đảm bảo theo quy định của hợp đồng lao động đã ký kết, nội quy lao động, quy chế trả lương, trả thưởng, quy định nội bộ; trả lương trực tiếp qua chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của người lao động. Trong thời kỳ thanh tra không có trường hợp phạt tiền, trừ lương người lao động.

3.4.2. Nhận xét, đánh giá

Việc xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động bảo đảm quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2019. Mức tiền lương và việc trả lương bảo đảm các nguyên tắc theo quy định của pháp luật về mức lương tối thiểu và các Điều 90, 91, 94, 95, 96, 97 Bộ luật Lao động năm 2019.

3.5. Công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

3.5.1. Tình hình thực hiện

Công ty thuê đơn vị đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C tổ chức huấn luyện cho các đối tượng thuộc diện phải huấn luyện theo quy định. Việc huấn luyện được thực hiện theo từng nhóm đối tượng, có chương trình huấn luyện, danh sách học viên, đảm bảo thời gian huấn luyện theo quy định. Tổ chức huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện đối với người lao động thuộc các nhóm 1, 2, 6. Công ty cấp Thẻ an toàn lao động đối với người lao động thuộc nhóm 3. Công ty lập Sổ theo dõi công tác huấn luyện và ghi kết quả huấn luyện của người được huấn luyện thuộc nhóm 4 vào sổ. Trong niên độ thanh tra, Công ty đã tổ chức 03 đợt huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, cụ thể như sau: năm 2023 tập huấn 1.251 người, năm 2024 tập huấn 1.374 người, năm 2025 tập huấn 1.231 người.

3.5.2. Nhận xét, đánh giá

Công ty đã tổ chức công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, phân nhóm đối tượng, thời gian huấn luyện, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, Thẻ an toàn lao động và quản lý kết quả huấn luyện theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 24 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ.

3.6. Thực hiện chế độ nghỉ phép năm

3.6.1. Tình hình thực hiện

Công ty thực hiện chế độ nghỉ hằng năm đối với người lao động. Người lao động làm việc đủ 12 tháng thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau: 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường; 14 ngày làm việc đối với người lao động là việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng cho Công ty thì số ngày nghỉ hằng năm theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Cứ đủ 05 năm làm việc ở Công ty thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động theo quy định được tăng thêm tương ứng 01 ngày.

Tổng Giám đốc Công ty giao Giám đốc các đơn vị chi nhánh Công ty cấp giấy (nghỉ phép) nghỉ hằng năm cho người lao động. Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động nghỉ phép theo nhu cầu cá nhân phù hợp với nhiệm vụ của Công ty, chưa có trường hợp nào không thể bố trí nghỉ phép cho người lao động.

3.6.2. Nhận xét, đánh giá

Công ty cơ bản thực hiện đầy đủ chế độ nghỉ hằng năm của người lao động theo quy định tại Điều 113, Điều 114 Bộ luật Lao động năm 2019. Việc phân cấp thực hiện và bố trí nghỉ hằng năm cơ bản bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định.

3.7. Việc đăng ký, quản lý, triển khai, áp dụng thực hiện các quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

3.7.1. Tình hình thực hiện

Công ty đã lập hồ sơ để người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Định kỳ 06 tháng, hằng năm Công ty đã niêm yết công khai thông tin đóng bảo hiểm xã hội của người lao động do cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp. Công ty đã phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội lập hồ sơ, giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, cho người lao động; xem xét, giới thiệu người lao động thuộc trường hợp luật định đi khám giám định y khoa để xác định mức suy giảm khả năng lao động; lập hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động đủ điều kiện. Việc chi trả các chế độ bảo hiểm cụ thể như sau:

- Chi trả chế độ ốm đau, thai sản: Năm 2023: 121 lượt người, số tiền: 1.171.938.800 đồng; năm 2024: 73 lượt người, số tiền: 543.062.100 đồng; năm 2025: 75 lượt người, số tiền: 618.942.300 đồng.

- Chi trả chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Năm 2023: 01 lượt người, số tiền: 53.609.860 đồng; năm 2025: 01 lượt người, số tiền: 58.557.500 đồng.

Trong niên độ thanh tra, có 34 trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân của người lao động. Công ty đã phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; trả sổ bảo hiểm xã hội bản giấy đầy đủ cho người lao động.

3.7.2. Nhận xét, đánh giá

- Việc lập hồ sơ, phối hợp giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cơ bản bảo đảm quyền lợi của người lao động theo quy định tại Điều 21, Điều 85 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-VPQH); Điều 13, Điều 27, Điều 28, Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; khoản 1 Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH và số 22/VBHN-VPQH); Điều 43, Điều 44, Điều 57 và Điều 58 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH); Điều 43 và Điều 44 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

- Việc công khai thông tin về đóng bảo hiểm xã hội tuân thủ quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Việc xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và hoàn tất thủ tục liên quan khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động cơ bản bảo đảm trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 1, khoản 3 Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019.

II. Công tác Quản lý đầu tư xây dựng

Đoàn thanh tra kiểm tra, xác minh đối với: 11 dự án, công trình do Công ty là chủ đầu tư với tổng giá trị quyết toán được phê duyệt là 9.756.954.000 đồng (Giá trị xây dựng: 8.157.178.000 đồng, kiến thiết cơ bản khác: 1.599.776.000 đồng); 34 dự án, công trình do Ban quản lý dự án Công trình thủy lợi nội đồng là đại diện chủ đầu tư với tổng giá trị quyết toán được phê duyệt là 123.217.781.000 đồng (Trong đó: Giá trị xây dựng: 98.426.223.000 đồng; lắp đặt thiết bị: 11.241.790.000 đồng; KTCB khác là 13.549.768.000 đồng). *Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo.*

1. Giai đoạn chuẩn bị dự án

1.1. Công tác khảo sát, lập, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; quyết định đầu tư xây dựng

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Ban Quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng, Phòng kỹ thuật Công ty tiến hành lập, trình lãnh đạo Công ty phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, thiết kế phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, đơn vị tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được đơn vị tư vấn lập, thẩm tra; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt dự án.

*** Nhận xét, đánh giá**

- Công tác khảo sát xây dựng được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 29 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ. Nội dung nhiệm vụ khảo sát theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Báo cáo kết quả khảo sát đảm bảo nội dung quy định tại Điều 33 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và được Chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Lập và phê duyệt nhiệm vụ thiết kế phục vụ lập Báo cáo



kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ. Nội dung nhiệm vụ thiết kế theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 52 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 của Luật Xây dựng sửa đổi 2020. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đã thuyết minh về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu xây dựng, quy mô, giải pháp thi công xây dựng và các nội dung khác theo quy định tại Điều 55 Luật Xây dựng năm 2014; được các đơn vị thẩm tra, thẩm định cơ bản đúng quy định tại Điều 56 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi bởi khoản 13 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020. Việc quyết định đầu tư xây dựng các dự án, công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014 đã được sửa đổi bởi khoản 17 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cơ bản đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng, phù hợp với quy mô dự án; đủ điều kiện để xác định dự toán xây dựng và triển khai thi công xây dựng công trình; khối lượng của dự toán cơ bản phù hợp với bản vẽ thiết kế; việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

** Hạn chế, thiếu sót*

- Đơn vị tư vấn lập dự toán một số dự án, công trình còn tính sai số học, sai tăng về khối lượng thiết kế hoặc áp dụng định mức xây dựng theo quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng còn có định mức áp dụng chưa phù hợp với nội dung công việc. Tổng số tiền dự toán tính sai 291.219.367 đồng (*Chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo*).

- Công tác thẩm tra của các đơn vị tư vấn đối với thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng các dự án, công trình được thanh tra còn chưa phát hiện được các sai sót do thiết kế tính sai tăng về khối lượng, áp dụng chưa đúng định mức, đơn giá (*như đã nêu trên*)

1.2. Chấp hành các quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư

Căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và nhiệm vụ thiết kế, Chủ đầu tư thực hiện lập, gửi Tổ thẩm định (thuộc Công ty) thẩm định và trình Công ty phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

Các gói thầu thực hiện theo hình thức chỉ định thầu rút gọn. Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư tiến hành thương thảo hợp đồng làm cơ sở để trình Công ty phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

** Nhận xét, đánh giá:* Việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cơ bản đảm bảo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 40 Luật Đấu thầu 2023. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với chỉ định thầu rút gọn theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đấu thầu 2023.

2. Giai đoạn thực hiện dự án

2.1. Lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng xây dựng

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, chủ đầu tư tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu và ban hành quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu, tiến hành thương thảo ký kết hợp đồng theo quy định. Các dự án/công trình được kiểm tra đều chọn hình thức lựa chọn nhà thầu là Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu thi công xây dựng và tự thực hiện đối với gói thầu giám sát thi công xây dựng.

*** Nhận xét, đánh giá**

Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Điều 24, 25, 26, 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu năm 2023. Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Tổ chức thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng xây dựng đảm bảo hình thức, nội dung theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng, Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình.

*** Hạn chế, thiếu sót**

Hợp đồng thi công xây dựng một số dự án, công trình còn hạn chế: Thỏa thuận về nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành chưa đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ (Công trình Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn các huyện Thanh Hà, Nam Sách, Bình Giang do Công ty là chủ đầu tư).

2.2. Thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng

Chủ đầu tư đã thành lập và phân công nhiệm vụ cho các Tổ quản lý dự án thực hiện công tác quản lý dự án, chất lượng, tiến độ thi công, tổ chức giám sát thi công, nghiệm thu khối lượng công trình, hạng mục công trình.

*** Nhận xét, đánh giá**

Tiến độ thực hiện hợp đồng cơ bản đảm bảo theo thời gian quy định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng đã ký; việc quản lý chất lượng công trình xây dựng cơ bản đảm bảo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

*** Hạn chế, thiếu sót**



- Việc ghi nhật ký thi công các Dự án: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Đồng Lạc; sửa chữa, duy tu trạm bơm Đoàn Tùng A; công trình Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn các huyện Cẩm Giàng, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Bình Giang, Ninh Giang, thành phố Chí Linh còn có thiếu sót như: chưa thể hiện chi tiết số lượng nhân công, thiết bị do nhà thầu thi công xây dựng huy động để thực hiện thi công tại hiện trường là chưa đảm bảo theo quy định tại Phụ lục IIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Công tác giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư còn chưa chặt chẽ, ký xác nhận nghiệm thu một số khối lượng công việc xây dựng chưa chính xác do chưa phát hiện được khối lượng thiết kế tính sai (như đã nêu ở trên). Thực hiện chưa đúng quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2.3. Thanh toán khối lượng hoàn thành. Nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; bàn giao công trình đưa vào sử dụng

Đến thời điểm thanh tra, các dự án, công trình được kiểm tra đã hoàn thành công tác nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án hoàn thành.

- Tổng giá trị nghiệm thu, quyết toán 34 dự án do Ban QLDA Công trình xây dựng nội đồng là đại diện chủ đầu tư là 123.217.781.000 đồng (Trong đó: Giá trị xây dựng: 98.426.223.000 đồng; lắp đặt thiết bị: 11.241.790.000 đồng; KTCB khác là 13.549.768.000 đồng). Chủ đầu tư đã thanh toán cho các đơn vị tổng số tiền: 118.787.771.000 đồng (đạt 96,4%);

- Tổng giá trị nghiệm thu, quyết toán 11 dự án, công trình nạo vét Đông Xuân do Công ty là chủ đầu tư với tổng giá trị quyết toán được phê duyệt là 9.756.954.000 đồng (Giá trị xây lắp: 8.157.178.000 đồng, chi phí khác: 1.599.776.000 đồng); số đã thanh toán 9.349.096.000 đồng (đạt 95,8%)

*** Nhận xét, đánh giá**

- Việc thanh toán hợp đồng xây dựng đã thực hiện theo quy định Điều 144 Luật Xây dựng 2014 và Điều 19 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015. Hồ sơ thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Việc bàn giao công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020. Các dự án, công trình được bàn giao, đưa vào sử dụng nhìn chung đã phát huy được công năng, đáp ứng được nhu cầu sử dụng và mục tiêu đầu tư xây dựng.

*** Hạn chế, thiếu sót**

Chủ đầu tư, đơn vị thi công không phát hiện được dự toán công trình tính sai, vì vậy việc nghiệm thu, quyết toán không đúng khối lượng theo thiết kế dẫn đến thanh toán sai tăng giá trị 291.219.367 đồng (như đã nêu tại mục II, 1.1).

2.4. Chấp hành các quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn thực hiện đầu tư

Các dự án/công trình được kiểm tra cơ bản đều chọn hình thức lựa chọn nhà thầu là Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu thi công xây dựng và tự thực hiện đối với gói thầu giám sát thi công xây dựng.

** Nhận xét, đánh giá*

- Thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cơ bản đảm bảo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 40 Luật Đấu thầu 2023. Quy trình tự thực hiện cơ bản đảm bảo Điều 81 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

- Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng: Thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu theo đúng quy định tại Điều 24, 25 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu năm 2023. Thực hiện mời thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, mở thầu theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 26 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đơn vị tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện đúng quy định tại Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu đã nêu rõ các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện đúng quy định tại Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

2.3. Giai đoạn kết thúc xây dựng

Công tác quyết toán hợp đồng xây dựng được chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020 và Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.

Việc bảo hành công trình xây dựng, lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 26, 28, 29 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

** Hạn chế, thiếu sót:*

Thực hiện quyết toán vốn đầu tư còn chưa chặt chẽ, dẫn đến sai tăng khối lượng trong hồ sơ quyết toán công trình, với số tiền 291.219.367 đồng (như đã nêu tại mục II, 1.1).

C. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương đã cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và quy định của pháp luật về lao động. Thực hiện mở sổ sách kế toán, lập chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, phản ánh doanh thu, chi phí,... theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. kê khai và thực hiện các nghĩa vụ về thuế TNDN, thuế GTGT, thuế TNCN, lệ phí môn bài cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành.



- Công tác quản lý đầu tư xây dựng thực hiện cơ bản đảm bảo quy định tại Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng; các công trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, đã bàn giao, đưa vào sử dụng, phát huy được công năng, đáp ứng được nhu cầu sử dụng và mục tiêu đầu tư của dự án.

2. Hạn chế, thiếu sót

Qua thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (năm 2023-2025) và công tác quản lý đầu tư xây dựng các dự án công trình (đã nghiệm thu, quyết toán đến 31/12/2025), còn có những hạn chế, thiếu sót như đã nêu tại các mục B- Kết quả kiểm tra, xác minh.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm những hạn chế, thiếu sót

3.1. Nguyên nhân khách quan

Hệ thống các văn bản pháp luật về lĩnh vực thuế, lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, lĩnh vực lao động, bảo hiểm còn rất phức tạp, chồng chéo, thường xuyên có thay thế, sửa đổi, bổ sung khiến các đơn vị còn gặp khó khăn, vướng mắc, lúng túng trong quá trình thực hiện.

3.2. Nguyên nhân chủ quan, trách nhiệm

- Đối với hạn chế, thiếu sót của Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình trong hạch toán giá vốn hàng bán, thu nhập khác, công nợ, xác định lợi nhuận kế toán trước thuế không chính xác đã dẫn đến vi phạm hành chính về thuế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ dẫn đến thiếu số tiền thuế TNDN, thuế GTGT phải nộp tổng số tiền: 75.959.564 đồng). Nguyên nhân chủ quan do đơn vị hàng năm không rà soát, kiểm tra tình trạng hoạt động của bên cung cấp vật liệu, quản lý nhân công thuê ngoài chưa được chặt chẽ; chưa thực hiện đối chiếu công nợ theo quy định.

- Đối với hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, dự toán tính sai, nghiệm thu, quyết toán tăng sai số tiền 291.219.367 đồng. Nguyên nhân chủ quan do: Năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp của một số đơn vị tư vấn thiết kế, lập dự toán, thẩm tra, giám sát thi công còn hạn chế; việc khảo sát hiện trạng, bóc tách khối lượng, lập dự toán còn chưa chính xác, dẫn đến sai sót trong hồ sơ thiết kế, dự toán; Ban quản lý dự án Công trình thủy lợi nội đồng (đại diện chủ đầu tư các công trình/dự án) thường triển khai thực hiện nhiều công việc tại cùng một thời điểm trong năm nên còn dễ xảy ra các hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, công tác giám sát việc thực hiện hợp đồng đối với các nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng.

- Đối với những hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành quy định của pháp luật về lao động: Do công tác quản lý, theo dõi lao động tại Công ty có nội dung chưa được thực hiện đầy đủ; việc rà soát, cập nhật các thông tin bắt buộc trong sổ quản lý lao động chưa thường xuyên. Công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi

đường, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động chưa được quan tâm đầy đủ, dẫn đến trong năm 2024 và năm 2025 Công ty chưa xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Để xảy ra những hạn chế, thiếu sót nêu trên, trách nhiệm thuộc về Kế toán trưởng, Giám đốc Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình; Giám đốc và cán bộ giám sát công trình của Ban quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng (đơn vị đại diện chủ đầu tư); Phòng Tổ chức Hành chính và các cá nhân được giao trực tiếp tham mưu, theo dõi công tác quản lý lao động, đào tạo, bồi dưỡng người lao động; lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương; trách nhiệm của các đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát thi công xây dựng, các nhà thầu thi công và tổ chức, cá nhân có liên quan đến các dự án, công trình được thanh tra.

D. BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra; Chánh Thanh tra thành phố đã ban hành các quyết định thu hồi số tiền sai phạm phát hiện trong quá trình thanh tra, gồm:

- Quyết định số 663/QĐ-TTTP ngày 14/9/2026 thu hồi của Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình, số tiền 75.959.564 đồng, gồm: Thuế Giá trị gia tăng 6.300.000 đồng (chi tiết: quý II năm 2025: 6.300.000 đồng); Thuế Thu nhập doanh nghiệp 69.659.564 đồng (chi tiết: năm 2024: 12.600.000 đồng; năm 2025: 57.059.564 đồng);

- Quyết định số 664/QĐ-TTTP ngày 14/9/2026 thu hồi của các đơn vị thi công xây dựng công trình do Ban Quản lý dự án Công trình thủy lợi nội đồng làm đại diện chủ đầu tư, tổng số tiền 291.219.367 đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

E. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2025, Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra, Thanh tra thành phố kiến nghị:

1. Đối với Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, chấp hành pháp luật về lao động, quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án, công trình để xảy ra các hạn chế, thiếu sót đã được phát hiện qua thanh tra như đã nêu trên.

- Chỉ đạo Giám đốc Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình, Giám đốc Ban Quản lý dự án Công trình thủy lợi nội đồng tổ chức rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý để xảy ra hạn chế, thiếu sót liên quan.

2. Đối với Giám đốc Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình, Giám đốc Ban Quản lý dự án Công trình thủy lợi nội đồng



Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chủ tịch Công ty về tổ chức rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý để xảy ra hạn chế, thiếu sót đoàn thanh tra đã nêu.

3. Đối với Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng

Rà soát, xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng đối với các tổ chức có liên quan đến đầu tư xây dựng các công trình do Ban Quản lý dự án công trình nội đồng làm đại diện chủ đầu tư, gồm: Cải tạo, gia cố mái kênh T11 trạm bơm Ngọc Trì; Sửa chữa, duy tu trạm bơm Hùng Thắng A.

4. Đối với Thuế thành phố Hải Phòng

Rà soát, xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền đối với Xi nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình đã có hành vi vi phạm hành chính về thuế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (năm 2023-2025) và công tác quản lý đầu tư xây dựng các dự án, công trình (đã nghiệm thu, quyết toán đến 31/12/2025) tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương. Các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản) về Thanh tra thành phố trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra./. *Xuất*

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND TP; } (Để
- PCT TT L.A.Quân; } báo cáo)
- Chánh Thanh tra TP;
- Phó CTTP Trịnh Văn Cường;
- Sở Xây dựng;
- Thuế thành phố;
- Cty TNHH MTV KTCTTL HD;
- Các phòng: VP; NV11;
- Lưu: VT, NV8, Hồ sơ ĐTT. *✓*



Trần Việt Tuấn

PHỤ LỤC 01: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN CÔNG TY						Kết quả kinh doanh của BQLDA công trình thủy lợi nội đồng			Kết quả kinh doanh của XI nghiệp KSTK và Xây dựng công trình		
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	309.606.733.506	278.311.176.069	358.589.743.267	306.344.540.573	263.454.768.197	299.134.304.755	1.639.403.200	4.842.471.137	5.434.976.476	1.622.789.733	10.013.936.735	54.020.462.036
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	89.251.459	292.627.130	213.377.584	0	0	0	0	0	0	89.251.459	292.627.130	213.377.584
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	309.517.482.047	278.018.548.939	358.376.365.683	306.344.540.573	263.454.768.197	299.134.304.755	1.639.403.200	4.842.471.137	5.434.976.476	1.533.538.274	9.721.309.605	53.807.084.452
4	Giá vốn hàng bán	288.716.819.625	257.069.116.912	324.444.366.188	287.587.447.826	248.504.856.639	277.553.152.916	0	0	0	1.129.371.799	8.564.260.273	46.891.213.272
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20.800.662.422	20.949.432.027	33.931.999.495	18.757.092.747	14.949.911.558	21.581.151.839	1.639.403.200	4.842.471.137	5.434.976.476	404.166.475	1.157.049.332	6.915.871.180
6	Doanh thu hoạt động tài chính	266.514.904	280.873.313	334.693.030	266.480.019	279.085.764	330.691.319	0	1.700.472	3.872.070	34.885	87.077	129.641
7	Chi phí tài chính	36.735.233	1.925.000	0	36.735.233	0	0	0	1.925.000	0	0	0	0
8	Chi phí bán hàng		0	0				0	0	0	0	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.647.960.202	20.287.042.063	26.812.613.917	13.852.364.310	14.305.352.357	15.808.740.430	4.400.397.366	4.842.246.609	5.438.848.546	395.198.526	1.139.443.097	5.565.024.941
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.382.481.891	941.338.277	7.454.078.608	5.134.473.223	923.644.965	6.103.102.728	-2.760.994.166	0	0	9.002.834	17.693.312	1.350.975.880
11	Thu nhập khác	7.357.838.378	7.469.635.639	3.603.199.044	4.596.844.212	7.416.392.405	3.602.449.044	2.760.994.166	0	0	0	53.243.234	750.000
12	Chi phí khác	3.520.076.720	346.451.037	1.404.156.523	3.520.076.720	280.951.037	1.402.883.832	0	0	0	0	65.500.000	1.272.691
13	Lợi nhuận khác	3.837.761.658	7.123.184.602	2.199.042.521	1.076.767.492	7.135.441.368	2.199.565.212	2.760.994.166	0	0	0	-12.256.766	-522.691
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.220.243.549	8.064.522.879	9.653.121.129	6.211.240.715	8.059.086.333	8.302.667.940	0	0	0	9.002.834	5.436.546	1.350.453.189
15	Thuế TNDN	112.787.995	1.189.493.501	470.150.731	110.987.428	1.188.406.192	200.060.093	0	0	0	1.800.567	1.087.309	270.090.638
16	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	6.107.455.554	6.875.029.378	9.182.970.398	6.100.253.287	6.870.680.141	8.102.607.847	0	0	0	7.202.267	4.349.237	1.080.362.551

Đơn vị tính: đồng

PHỤ LỤC 12: BIỂU TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THANH TRA

STT	TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	TÊN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	Trong đó			GIÁ TRỊ THANH TOÁN (đến thời điểm thanh tra)
				Giá trị xây dựng	Lắp đặt thiết bị	KTCB khác	
	TỔNG CỘNG		132.974.735.000	106.583.401.000	11.241.790.000	15.149.544.000	128.136.867.000
I	CÁC CÔNG TRÌNH DO CÔNG TY LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG		9.756.954.000	8.157.178.000	0	1.599.776.000	9.349.096.000
1	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn TP Chí Linh	Công ty TNHH Bình Minh EPC	802.945.000	680.984.000		121.961.000	768.896.000
2	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn thị xã Kinh Môn	Công ty CPTM và xây dựng Trường An	887.310.000	736.096.000		151.214.000	850.505.000
3	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Kim Thành	Công ty CPTM và xây dựng Trường An	767.405.000	639.184.000		128.221.000	735.446.000
4	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Nam Sách và TP Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Khánh Dương	1.043.901.000	887.552.000		156.349.000	999.523.000
5	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Thanh Hà và TP Hải Dương	Công ty TNHH Hải Hà	892.092.000	729.219.000		162.873.000	855.631.000
6	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Cẩm Giang	Công ty CP XD thủy lợi Hải Sơn	688.590.000	589.184.000		99.406.000	659.131.000
7	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Bình Giang	Công ty cổ phần đầu tư XD A Đông	1.120.883.000	937.237.000		183.646.000	1.074.021.000
8	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ	Công ty CPXL công trình và đầu tư phát triển Nam Sơn	864.771.000	718.985.000		145.786.000	828.822.000
9	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Gia Lộc	Công ty TNHH kinh doanh nhà và XD Hải Dương	666.411.000	551.181.000		115.230.000	638.852.000
10	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Ninh Giang	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại VNSTAR và Công ty TNHH kinh doanh nhà và XD Hải Dương	1.335.722.000	1.118.686.000		217.036.000	1.279.788.000
11	Nạo vét Đông Xuân trên địa bàn huyện Thanh Miện	Công ty cổ phần sản xuất XD và TM Hoài Dương	686.924.000	568.870.000		118.054.000	658.481.000
II	CÁC CÔNG TRÌNH DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LÀM ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG						
	TỔNG CỘNG		123.217.781.000	98.426.223.000	11.241.790.000	13.549.768.000	118.787.771.000
1	Công trình: Sửa chữa kênh N1 trạm bơm Thái Học A (K0+00 - K0+410), thành phố Chí Linh	Công ty Cp xây dựng và thương mại Trang Ngọc	1.867.577.000	1.644.176.000	9.406.000	213.995.000	1.867.577.000
2	Công trình: Sửa chữa kênh N2-2 trạm bơm Thới Hùng, huyện Kinh Môn	Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Á Châu	1.633.032.000	1.429.532.000	2.000.000	201.500.000	1.633.032.000
3	Công trình: Sửa chữa kênh tiêu chính trạm bơm Cẩm Đông B, huyện Cẩm Giang	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bắc Việt HD	908.076.000	787.840.000	2.000.000	118.236.000	908.076.000
4	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Đồng Tráng (K0+190 - K0+825), huyện Tứ Kỳ	Công ty TNHH đầu tư & xây dựng 911 Hải Dương	2.416.924.000	2.086.763.000	4.212.000	325.949.000	2.416.924.000
5	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Hợp Tiến (K0-K0+500), huyện Nam Sách	Công ty TNHH Hào Hùng HD	1.919.849.000	1.693.003.000	2.200.000	224.646.000	1.919.849.000
6	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Hùng Thắng (K0+100 - K1+140), huyện Bình Giang	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Á Đông	5.067.342.000	4.510.035.000	39.664.000	517.643.000	5.067.342.000
7	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Lê Ninh (K0-K0+450), Thị xã Kinh Môn	Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Á Châu	2.011.224.000	1.773.217.000	4.000.000	234.007.000	2.011.224.000
8	Công trình: Sửa chữa kênh KC2 trạm bơm Đông La (K0-K0+600), huyện Thanh Miện	Công ty TNHH Kinh doanh nhà và xây dựng Hải Dương	2.500.726.000	2.211.728.000	11.400.000	277.598.000	2.500.726.000
9	Công trình: Sửa chữa kênh KC2 trạm bơm Quyết Thắng (K0+670 - K0+966), thành phố Hải Dương	Công ty TNHH Hải Hà	1.288.828.000	1.124.549.000	6.300.000	157.979.000	1.288.828.000
10	Công trình: Sửa chữa kênh N1 trạm bơm Lê Lợi (K0+00 - K0+740), huyện Gia Lộc	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Kiên Thành + Công ty TNHH xây dựng và thương mại Lộc Bình	3.147.759.000	2.772.890.000	36.288.000	338.581.000	3.147.759.000
11	Công trình: Sửa chữa kênh N5 trạm bơm Hiệp Lễ (K0+800 - K1+170), huyện Ninh Giang	Công ty cổ phần sản xuất, xây dựng và thương mại Hoài Dương	1.050.137.000	893.524.000	21.600.000	135.013.000	1.050.137.000
12	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Ái Quốc	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Á Đông; Công ty TNHH chế tạo bơm và thiết bị thủy lợi An Vũ; Công ty cổ phần xây lắp hạ tầng năng lượng Hà Nội	2.460.890.000	1.639.011.000	517.100.000	304.779.000	2.353.084.000
13	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Hồng Đức	Công ty TNHH đầu tư & xây dựng 911 Hải Dương ; Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Nam; Công ty cổ phần xây dựng điện và tư vấn phát triển công nghiệp Việt Á	2.271.978.000	1.265.286.000	746.444.000	260.248.000	2.171.389.000
14	Công trình: Cải tạo, gia cố mái kênh T11 trạm bơm Ngọc Trì	Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Hải Sơn	12.597.511.000	11.360.001.000		1.237.510.000	12.029.510.000
15	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Tiên Tiến A	Công ty cổ phần bơm công nghiệp Hải Dương; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh Phát	3.603.267.000	2.824.913.000	376.030.000	402.324.000	3.443.219.000

STT	TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	TÊN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	Trong đó			GIÁ TRỊ THANH TOÁN (đến thời điểm thanh tra)
				Giá trị xây dựng	Lắp đặt thiết bị	KTCB khác	
16	Công trình: Sửa chữa kênh KC2 đoạn từ K0+033 đến K0+312 trạm bơm Chi Nam	Công ty cổ phần sản xuất, xây dựng và thương mại Hoài Dương	1.199.751.000	1.051.846.000	0	147.905.000	1.147.158.000
17	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Tân Quang	Công ty TNHH đầu tư & xây dựng 911 Hải Dương; Công ty cổ phần cơ khí thủy lợi 1 Hải Dương; Công ty cổ phần xây dựng điện và tư vấn phát triển công nghiệp Việt Á	2.984.236.000	2.147.166.000	491.568.000	345.502.000	2.852.298.000
18	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Đoàn Tùng A	Công ty cổ phần sản xuất, xây dựng và thương mại Hoài Dương; Công ty TNHH chế tạo bơm và thiết bị thủy lợi An Vũ; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh Phát	3.752.966.000	2.737.991.000	616.182.000	398.793.000	3.585.255.000
19	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Đồng Lạc	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Trang Ngọc; Công ty cổ phần bơm và thiết bị thủy lợi Quý Hải; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh Phát	3.175.560.000	2.306.422.000	507.381.000	361.757.000	3.034.868.000
20	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm và sửa chữa kênh tưới KC đoạn từ K0 đến K1+000 trạm bơm Thanh Giang B	Công ty cổ phần sản xuất, xây dựng Hoài Dương; Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Dương; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh Phát	7.689.238.000	6.319.126.000	565.268.000	804.844.000	7.345.017.000
21	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Hùng Thắng A	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A Đông; Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Nam; Công ty cổ phần xây dựng điện và tư vấn phát triển công nghiệp Việt Á	2.795.271.000	1.733.332.000	735.043.000	326.896.000	2.671.851.000
22	Công trình: Sửa chữa kênh N7 (KC2) đoạn từ K0 đến K0+700 trạm bơm Hiệp Lễ	Công ty TNHH đầu tư & xây dựng 911 Hải Dương	2.823.610.000	2.499.638.000	24.876.000	299.096.000	2.697.384.000
23	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Trùng Khánh	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A Đông; Công ty cổ phần bơm công nghiệp Hải Dương; Công ty cổ phần xây dựng điện và tư vấn phát triển công nghiệp Việt Á	3.469.453.000	2.229.002.000	870.350.000	370.101.000	3.314.485.000
24	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Tân Tiến	Công ty cổ phần bơm công nghiệp Hải Dương; Công ty cổ phần xây lắp hạ tầng năng lượng Hà Nội	2.810.980.000	1.951.324.000	533.490.000	326.166.000	2.686.738.000
25	Công trình: Cải tạo, nâng cấp cống Tỷ Mỏ - Văn Đức	Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn Hải Dương	5.196.596.000	4.412.946.000	168.480.000	615.170.000	4.967.524.000
26	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Độ Xá	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Trang Ngọc; Công ty TNHH chế tạo bơm và thiết bị thủy lợi An Vũ; Công ty cổ phần phát triển điện lực VN	4.118.382.000	2.905.127.000	785.526.000	427.729.000	3.933.848.000
27	Công trình: Sửa chữa kênh N3 đoạn từ K0+340 đến K1+420 trạm bơm Thanh Niên A	Công ty TNHH Hào Hùng HD	4.461.933.000	3.983.276.000	39.000.000	439.657.000	4.260.819.000
28	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Độ Trung	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Trang Ngọc	2.231.646.000	1.968.974.000	11.982.000	250.690.000	2.132.598.000
29	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Tiến Tiến B	Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Á Châu; Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Nam; Công ty cổ phần xây lắp hạ tầng năng lượng Hà Nội	2.854.649.000	2.121.917.000	397.160.000	335.572.000	2.728.694.000
30	Công trình: Cải tạo, gia cố mái kênh tiêu chỉnh trạm bơm Độ Đón	Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng và thương mại VMH	12.174.185.000	10.918.229.000		1.255.956.000	11.628.273.000
31	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Phú	Công ty TNHH kinh doanh nhà và xây dựng Hải Dương; Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật Hạnh Xương; Công ty cổ phần phát triển điện lực VN	1.817.461.000	1.108.792.000	468.735.000	239.934.000	1.738.583.000
32	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Việt Hưng Tiêu	Công ty TNHH kinh doanh nhà và xây dựng Hải Dương; Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Dương; Công ty cổ phần công nghiệp INVICO	6.727.851.000	4.304.167.000	1.719.143.000	704.541.000	6.426.683.000
33	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Văn Tổ	Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật Hạnh Xương; Công ty TNHH kinh doanh nhà và xây dựng Hải Dương; Công ty cổ phần xây lắp hạ tầng năng lượng Hà Nội	2.034.551.000	1.254.707.000	523.413.000	256.431.000	1.945.644.000
34	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Đồng Bông	Công ty TNHH kinh doanh nhà và xây dựng Hải Dương; Công ty cổ phần thiết kế và xây dựng Thành Công; Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật Hạnh Xương; Công ty cổ phần xây lắp điện và đầu tư - xây dựng Hải Dương	6.154.342.000	4.455.773.000	1.005.549.000	693.020.000	5.881.375.000

PHỤ LỤC 03: BIỂU TỔNG HỢP XỬ LÝ SAI PHẠM PHÁT HIỆN QUA THANH TRA CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	KIẾN NGHỊ XỬ LÝ VỀ KINH TẾ	KIẾN NGHỊ XỬ LÝ VỀ HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
		Thu hồi, yêu cầu các đơn vị thi công nộp về tài khoản tạm giữ của Thanh tra thành phố do dự toán tính sai	Đề nghị Sở Xây dựng thành phố rà soát, xử phạt VPHC về hoạt động xây dựng đối với các tổ chức	
	TỔNG CỘNG	291.219.367		
1	Công trình: Sửa chữa kênh N1 trạm bơm Thái Học A (K0+00 - K0+410), thành phố Chí Linh	18.549.664		
2	Công trình: Sửa chữa kênh N2-2 trạm bơm Thất Hùng, huyện Kinh Môn	32.039.844		
3	Công trình: Sửa chữa kênh tiêu chính trạm bơm Cẩm Đồng B, huyện Cẩm Giàng	9.863.419		
4	Công trình: Sửa chữa kênh KC2 trạm bơm Đông La (K0 - K0+600), huyện Thanh Miện	8.781.275		
5	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Hợp Tiến (K0 - K0+500), huyện Nam Sách	24.839.310		
6	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Hùng Thắng (K0+100 - K1+140), huyện Bình Giang	6.238.099		
7	Công trình: Sửa chữa kênh KC trạm bơm Lê Ninh (K0 - K0+450), Thị xã Kinh Môn	52.677.727		
8	Công trình: Sửa chữa kênh KC2 trạm bơm Quyết Thắng (K0+670-K0+966), thành phố Hải Dương	13.081.877		
9	Công trình: Sửa chữa kênh N1 trạm bơm Lê Lợi (K0+00 - K0+740), huyện Gia Lộc	22.696.199		
10	Công trình: Sửa chữa kênh N5 trạm bơm Hiệp Lễ (K0+800 - K1+170), huyện Ninh Giang	11.156.663		
11	Công trình: Cải tạo, gia cố mái kênh T11 trạm bơm Ngọc Tri	43.892.918	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Ngọc Hà	Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật
			Công ty TNHH MTV tư vấn - xây dựng và thương mại Đại Thành	Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật
			Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Hải Sơn	Nhà thầu thi công xây dựng
			Ban quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng	Chủ đầu tư
12	Công trình: Sửa chữa, duy tu trạm bơm Hùng Thắng A	47.402.372	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hải Dương AZ	Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật
			Công ty TNHH tư vấn xây dựng Ngọc Hà	Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật
			Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Á Đông	Nhà thầu thi công xây dựng
			Ban quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng	Chủ đầu tư